TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẮC NINH** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 49/2018/HNGĐ- ST Ngày: 27/ 9/ 2018 *V/v: ly hôn giữa anhNguyễn V S và chị Nguyễn T L .*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*:** *Ông Vũ Văn Hoan.*
***Các Hội thẩm nhân dân*:**
1. Ông Nguyễn Quốc Trung;
2. Ông Viêm Văn Doãn;
***- Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà*:** Bà Hạp Thị Thu Thủy- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.
***- Đại diện VKSND thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa*:** Bà Hồ Thị Lê - kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2018. Tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh mở phiên toà công khai để xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 387/2017/TLST - HNGĐ, ngày 18 tháng 6 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2018/QĐXX-ST ngày 10 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn V S, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Đội 3 thôn V X, xã H L, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh (Có mặt).

Bị đơn: Chị Nguyễn T L, sinh năm 1984.

Trú tại: Đội 7 thôn V X, xã H L, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 06/6/2018 và các lời khai tiếp theo tại Toà án và tại phiên toà ngày hôm nay, nguyên đơn là anh Nguyễn V S trình bày: anh và chị Nguyễn T Lkết hôn ngày 23/11/2007 âm lịch, trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Long, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Sau khi kết hôn, chị Lvề chung sống với anh ngay, cuộc sống chung giữa vợ

chồng ban đầu cũng hòa thuận hạnh phúc không có mâu thuẫn gì. Đến cuối năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do giữa vợ chồng anh có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống, có lúc do nóng giận nên anh có đánh đập chị L, đến tháng 9 năm 2012 chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, hai vợ chồng tôi sống ly thân suốt từ đó đến nay không còn quan tâm gì tới nhau nữa. Nay anh xác định không thể tiếp tục chung sống với chị L được nữa, anh yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh giải quyết cho anh được ly hôn với chị L.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng đã có 02 con chung là:

1. Nguyễn Thị H, sinh ngày 16 tháng 9 năm 2008;

2. Nguyễn T H, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2010;

Hiện cả hai cháu đang ở với chị L, còn anh đang ở với con riêng của anh, vì trước khi kết hôn với chị L đã có 01 đời vợ và đã ly hôn.

Nếu ly hôn: anh yêu cầu được nuôi 01 con chung là cháu Nguyễn Thị H và để chị Lnuôi 01 con chung là cháu Nguyễn T H, việc cấp dưỡng nuôi con chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về tài sản chung, công nợ chung: Tự giải quyết, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay, anh Nguyễn V S vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với chị Nguyễn Thị Lan.

Bị đơn là anh Chị Nguyễn T L trình bầy:

Chị thừa nhận lời trình bầy của anh Nguyễn V S về thời điểm, điều kiện kết hôn, thời điểm phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn và thời điểm vợ chồng sống ly thân, về con chung, tài sản chung và công nợ chung.

Nay anh S yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh giải quyết ly hôn với chị, chị hoàn toàn nhất trí.

Về con chung, nếu ly hôn chị yêu cầu được nuôi cả 02 con chung, Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn anh S có cấp dưỡng nuôi con chung cho chị là tùy ở anh S.

Về tài sản chung, công nợ chung: chị đề nghị để chị và anh S tự giải quyết, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã hòa giải nhưng không thành.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu và kết luận việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và của nguyên đơn, bị đơn là đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

Về hướng giải quyết vụ án: Căn cứ các điều 51; 55; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình, và các Điều 147; 227; 239; 248; 254; 260; 264; 266; 267 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn V S và chị Nguyễn Thị Lan; Về con chung: Giao hai cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 16 tháng 9 năm 2008 và Nguyễn T H, sinh ngày 24/9/2010 cho chị Nguyễn T L chăm sóc, nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét giải quyết; Về tài sản chung, công nợ chung: Không không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà hội đồng xét xử nhận định.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Anh Nguyễn V S và anh Chị Nguyễn T L kết hôn ngày 23/11/2007, trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã H L, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 87 quyển số 01/2007 ngày 23 tháng 11 năm 2007, xét thấy đây là hôn nhân hợp pháp vì tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về kết hôn.

Sau khi kết hôn chị Nguyễn T L về chung sống cùng anh Nguyễn V S ngay, cuộc sống chung giữa vợ chồng anh S, chị L ban đầu cũng hòa thuận, hạnh phúc; Đến cuối năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng có sự bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nên đã xảy ra xô xát, bất hòa, anh Sđã nhiều lần đánh chửi chị L; Do không chịu đựng được cảnh như vậy nên đến tháng 9 năm 2012 chị Lđã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở, hai vợ chồng sống ly thân suốt từ đó đến nay không còn quan hệ tình cảm qua lại với nhau và không còn quan tâm tới nhau nữa. Nay anh S xin được ly hôn, chị Lcũng đồng ý ly hôn, căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn V S và chị Nguyễn Thị L.

2. Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng đã có 02 con chung là:

1. Nguyễn Thị H, sinh ngày 16 tháng 9 năm 2008;

2. Nguyễn T H, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2010;

Hiện cả hai cháu đang ở với chị L, còn anh S đang nuôi con riêng của anh.

Nếu ly hôn, anh Scó nguyện vọng được nuôi 01 con chung và để chị L nuôi 01 con chung, việc cấp dưỡng nuôi con chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết; Chị L đề nghị được nuôi cả 02 con chung, việc cấp dưỡng nuôi con chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét yêu cầu của các bên, Hội đồng xét xử thấy: Từ khi anh S và chị Lsống ly thân từ tháng 9 năm 2012 đến nay, cả 02 con chung do chị Lchăm sóc, nuôi dưỡng từ đó đến nay, chị Llà người có công ăn, việc làm ổn định và có thu nhập. Còn anh Shiện tại cũng đang nuôi con riêng của anh S với người vợ trước, trong khi anh S có nguyện vọng nuôi con chung với chị L, nhưng anh Skhông cung cấp cho Tòa án về mức thu nhập của mình, do vậy không có căn cứ để giao con chung cho anh S chăm sóc, nuôi dưỡng; Mặt khác cả 02 con chung giữa anh S đều có nguyện vọng được ở với mẹ, để tránh sự sáo trộn trong cuộc sống của các cháu, căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân cần giao cả hai cháu cho chị Ltiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp; do vậy yêu cầu của anh S là giao 01 con chung cho anh S chăm sóc nuôi dưỡng là không được chấp nhận, cần bác yêu cầu này của anh S; Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét giải quyết do chị Lkhông có yêu cầu.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết do các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn V S phải chịu tiền án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 147, 227, 228, 239, 243, 248, 254, 260, 261, 262, 264, 266 Bộ luật tố tụng dân sự**.**

Căn cứ Điều 51, 53, 55, 58, 81,82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn V S và chị Nguyễn Thị L.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Thị H, sinh ngày 16 tháng 9 năm 2008 và Nguyễn T H, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2010 cho chị Nguyễn T Ltếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét giải quyết do chị Lkhông có yêu cầu.

Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết do các đương sự không có yêu cầu.

4. Về án phí: Anh Nguyễn V S phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị Duyên đã nộp tại biên lai số

AA/2017/0000926 ngày 14/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh; Xác nhận anh S đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ		**THẨM PHÁN** **CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
Nguyễn Quốc Trung	**Viêm Văn Doãn**	**Vũ Văn Hoan**